TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST Ngày: 12-6-2019 V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Nhã Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Trại giam CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - L hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Trúc L,** sinh năm 1998.

Địa chỉ: tổ 10, ấp 3, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: ấp 7, xã Phong Mỹ, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Lê Chí N,** sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ 10, ấp 3, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;

Hiện nay anh N đang chấp hành án tại Trại giam CL; Địa chỉ: ấp 6, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phan Thị Trúc L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh N sống chung với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2017 anh N vi phạm pháp luật và phải đi tù. Sáu tháng sau, do bệnh nặng nên anh N được tại ngoại để điều trị bệnh, chị L đã tận tình chăm sóc và vợ chồng quyết định có con. Khi chị L mang thai gần

đến ngày sinh thì anh N phải trở về chấp hành án tại Trại giam. Gia đình anh N không quan tâm, chăm sóc gì đến mẹ con chị, một mình chị phải tự lo cho bản thân. Khi chị L sinh con phải mổ nhưng gia đình anh N không quan tâm chăm sóc mà còn gây nhiều áp lực cho chị không thể nào chịu đựng được. Chị L trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống, trong thời gian đó gia đình anh N không hỏi thăm hay chu cấp tiền để chị L nuôi con. Vợ chồng sống không gần nhau nên tình cảm cũng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị Phan Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Lê Chí N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018. Hiện nay con chung đang sống với mẹ. Khi L hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Theo biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 và biên bản làm việc ngày 12/6/2019 anh Lê Chí N là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Theo biên bản hòa giải ngày 26/4/2019 anh N thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh N còn tình cảm với chị L và còn thương con nên không đồng ý L hôn theo yêu cầu của chị L. Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2019 anh N trình bày anh N đồng ý L hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018 hiện đang sống với chị L. Khi L hôn anh N yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

+ Trích lục khai sinh Lê Thị Cẩm Tú (bản sao);

+ Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Trúc L và sổ hộ khẩu (bản photo);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 26/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Trúc L có đơn yêu cầu được L hôn với anh Lê Chí N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - L hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Chí N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 10, ấp 3, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp và hiện nay anh N đang chấp hành án tại Trại giam CL; Địa chỉ: ấp 6, xã THT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Chí N đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự còn lại.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N sống chung với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/11/2017, do đó hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Chị L cho rằng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ sau khi anh N vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù. Do chị L trong giai đoạn mang thai đến khi sinh con nhỏ mà không có anh N bên cạnh để chăm sóc, chia sẻ khó khăn, khi đó chị cũng không nhận được sự quan tâm thăm hỏi hay hỗ trợ nào từ phía gia đình anh N để chị L nuôi con. Vợ chồng sống không gần nhau nên tình cảm phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nay chị Phan Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Lê Chí N. Về phía anh N do đang chấp hành án tại Trại giam CL nên không có điều kiện để chăm sóc lo lắng cho chị L, vợ chồng không được chung sống để xây dựng tình cảm, hỗ trợ nhau xây dựng cuộc sống gia đình, sống xa nhau nên anh N không còn tình cảm với chị L, anh N đồng ý L hôn theo yêu cầu của chị L.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu L hôn của chị L.

- Về con chung: Chị L và anh N thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018 hiện đang sống với chị L. Khi L hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Còn anh N cũng có yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: …3. "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*….".

Con chung của chị L và anh N là cháu Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Hiện nay chị L là người đang trực tiếp nuôi con và chăm sóc lo lắng cho con đầy đủ. Do đó, giao con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh Lê Chí N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L và anh N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh N trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Phan Thị Trúc L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Trúc L.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L được L hôn với anh Lê Chí N.

- Về con chung: Chị Phan Thị Trúc L được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh ngày 29/6/2018. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh Lê Chí N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Phan Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006380 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí chị L đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã TN;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương	**Phan Thị Nhã Quyên**